

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54 /2023/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 10 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 06 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 06 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 05 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 10 năm 2023 và thay thế Quyết định số 72/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KH&ĐT, NV;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ KH&ĐT (Vụ Pháp chế);
- Website Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lâm Đồng, Đài PTTH Lâm Đồng;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH<sub>3</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Hiệp**



## QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

(Kèm theo Quyết định số **54** /2023/QĐ-UBND ngày **03** /10/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong việc: trao đổi, cung cấp, công khai thông tin; thanh tra, kiểm tra; xử lý; báo cáo tình hình và kết quả thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi chung là cơ quan chức năng), bao gồm:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
3. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương có liên quan đặt tại tỉnh.
4. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

##### Điều 3. Mục đích, yêu cầu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

#### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh được phân định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/doanh nghiệp/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Không gây phiền hà, không làm phát sinh thủ tục hành chính mà tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

**Điều 5. Nội dung phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập**

1. Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đối với các nội dung trong hồ sơ đăng ký:

- a) Chấp hành quy định về thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;
- b) Chấp hành quy định về đăng ký trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

3. Kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh:

- a) Chấp hành việc treo biển hiệu theo quy định;
- b) Chấp hành quy định về đăng ký góp vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;
- c) Chấp hành quy định về quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;
- d) Chấp hành quy định về đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;

đ) Chấp hành quy định về đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh;

e) Chấp hành quy định về điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện như chứng chỉ hành nghề, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, vốn pháp định và các điều kiện kinh doanh khác theo quy định của pháp luật;

g) Chấp hành quy định về sử dụng giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

h) Chấp hành các quy định về phương thức tổ chức lại như: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi loại hình.

4. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về công khai thông tin của doanh nghiệp:

- a) Chấp hành việc công bố thông tin về đăng ký doanh nghiệp;
- b) Chấp hành chế độ báo cáo, thông báo của doanh nghiệp;
- c) Chấp hành chế độ lưu trữ và quản lý hồ sơ, con dấu của doanh nghiệp.

5. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ kế toán, kê khai, hoàn thành nghĩa vụ thuế và các khoản nghĩa vụ nộp ngân sách khác, đất đai, xây dựng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, nhãn mác hàng hóa, lao động, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, phòng chống tội phạm và tình hình thực hiện các quy định khác của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

## Chương II

# PHỐI HỢP TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH

### Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, bao gồm:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp, gồm: tên; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Thông tin đăng ký hợp tác xã, gồm: tên; mã số hợp tác xã; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên hội đồng quản trị; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

c) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh, gồm: tên, số giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; đại diện hộ kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bao gồm các tình trạng: đang hoạt động, đang làm thủ tục giải thể, đã giải thể, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, đã chấm dứt hoạt động (*đối với đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp*).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, bao gồm: thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, doanh thu, lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin khác của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật được báo cáo theo tháng, quý và năm. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh được báo cáo khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

### Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối công khai và cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được công khai thông qua hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>;

b) Định kỳ hàng tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi danh sách kèm thông tin về các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, tạm ngưng hoạt động, bị thu hồi, giải thể của tháng trước qua hộp thư điện tử công vụ đến các cơ quan chức năng cùng cấp trên địa bàn tỉnh;

c) Ngoài những thông tin cung cấp định kỳ quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này, Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước;

d) Quy trình cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, được thực hiện như sau:

- Cơ quan có nhu cầu thông tin gửi văn bản hoặc liên hệ trực tiếp Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cung cấp thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp bằng văn bản hoặc file điện tử cho phép sao chép, tải về máy tính và các thiết bị lưu trữ khác.

đ) Trường hợp thông tin do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng thông báo bằng văn bản đến Sở Kế hoạch và Đầu tư biết và xử lý theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan;

e) Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm:

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thành lập mới, thay đổi, tạm ngưng kinh doanh, giải thể;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp thành lập mới, thay đổi, tạm ngưng kinh doanh, chấm dứt hoạt động.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

a) Định kỳ vào tuần thứ 2 hàng tháng, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm cung cấp danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh phát sinh của tháng trước cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh qua hộp thư điện tử công vụ, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nếu có hợp tác xã, hộ kinh doanh phát sinh có địa chỉ trên địa bàn xã;

b) Ngoài những thông tin cung cấp định kỳ quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch) cung

cấp thông tin hợp tác xã, hộ kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước;

c) Quy trình cung cấp thông tin đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, được thực hiện như sau:

- Cơ quan có nhu cầu thông tin gửi văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện;

- Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cung cấp thông tin, Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch) cung cấp thông tin đăng ký hợp tác xã hộ kinh doanh bằng văn bản hoặc file điện tử cho phép sao chép, tải về máy tính và các thiết bị lưu trữ khác.

d) Trường hợp thông tin do Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch) cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch) biết và xử lý theo quy định. Sau khi hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch) có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan;

đ) Nội dung thông tin đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh công khai, gồm:

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, đơn vị trực thuộc hợp tác xã thành lập mới, thay đổi, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, chấm dứt hoạt động đơn vị trực thuộc;

- Tên, số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, địa chỉ hộ kinh doanh, tên đại diện hộ kinh doanh thành lập mới, thay đổi, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động.

### **Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh**

1. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan khác có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

3. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống phần mềm đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hợp tác xã, hộ kinh doanh địa bàn huyện.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống phần mềm đăng ký hợp tác xã, Hệ thống phần mềm đăng ký hộ kinh doanh

với thông tin do cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của hợp tác xã, hộ kinh doanh. Đối với hợp tác xã ngừng hoạt động quá 01 năm và hộ kinh doanh ngừng hoạt động quá 06 tháng mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

**Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh**

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cục Thuế và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Khuyến khích các cơ quan chức năng trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

3. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Cục Thuế tỉnh là đầu mối trao đổi, cung cấp, công khai thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Tổng Cục Thuế để các cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng. Thông tin về người nộp thuế của các đơn vị được tra cứu tại trang thông tin điện tử của Tổng Cục Thuế: [www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn).

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với các phòng ban chuyên môn cấp huyện cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn.

**Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư; bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; tình hình vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Cục Thuế (hoặc Chi cục Thuế) theo chức năng, nhiệm vụ công khai danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, trực thuộc hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về

thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

Định kỳ ngày 05 hàng tháng, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về danh sách doanh nghiệp đóng mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, tạm ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm liên tục không thông báo, vi phạm các quy định về đăng ký thuế; thông báo bằng văn bản cho Ban Quản lý các khu công nghiệp về tình trạng các doanh nghiệp trong khu công nghiệp vi phạm quy định về đăng ký thuế, các doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở đã đăng ký, các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm liên tục mà không thông báo, các doanh nghiệp đã đóng mã số thuế; đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có phát sinh thông tin các doanh nghiệp có đặt trụ sở trên địa bàn huyện). Chi cục Thuế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Phòng Tài chính - Kế hoạch về danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh đóng mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, tạm ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm liên tục đối với hợp tác xã, tạm ngừng 06 tháng liên tục đối với hộ kinh doanh mà không thông báo; hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm các quy định về đăng ký thuế.

Định kỳ hàng quý, Cục Thuế tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đối chiếu danh sách doanh nghiệp không kê khai báo cáo thuế với danh sách doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Chi cục Thuế phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch đối chiếu danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh không kê khai báo cáo thuế với danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Định kỳ hàng năm, thông báo đến Công an tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch) danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã không hoạt động kinh doanh trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã ngừng hoạt động 01 (một) năm liên tục; danh sách hộ kinh doanh không hoạt động kinh doanh trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngừng hoạt động 06 (sáu) tháng liên tục, ra thông báo giải thể nhưng vẫn kinh doanh và danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh còn nợ đọng thuế, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

3. Cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này có trách nhiệm công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, trực thuộc hợp tác xã có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, tên đại diện hộ kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Ủy ban nhân cấp huyện hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp, xác minh thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn; phát hiện và báo cáo danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh vi phạm quy định về trụ sở, biển hiệu; các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có thông báo tạm ngừng hoạt động, giải thể hoặc bị đình chỉ hoạt động mà vẫn hoạt động.

5. Trên cơ sở danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm rà soát doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có ngành, nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực mình phụ trách nhưng không đảm bảo điều kiện hoạt động và phản hồi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp quản lý.

### **Chương III**

#### **THANH TRA, KIỂM TRA; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN**

**Điều 11. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh và xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

1. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

2. Phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh, bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh.

3. Phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh vi phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

**Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp**

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã hàng năm của tỉnh; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra,

kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với doanh nghiệp, hợp tác xã (*riêng đối với lĩnh vực phòng cháy chữa cháy không quá 02 lần/năm theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy và các Nghị định hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy*); hướng dẫn, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã; kịp thời tham mưu, xử lý các khó khăn, vướng mắc của các sở, ban, ngành trong quá trình triển khai thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Các cơ quan chức năng căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hàng năm.

Các cơ quan chức năng phải xác định cụ thể các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh dự kiến thanh tra, kiểm tra; nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra; đề xuất cơ quan chủ trì và các cơ quan liên quan phối hợp; thời điểm và thời gian triển khai đối với từng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

Nhằm hạn chế, giảm bớt các cuộc thanh tra, kiểm tra chưa thật sự cần thiết, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được cơ quan, đơn vị đề xuất thanh tra, kiểm tra hàng năm chiếm tỷ lệ không quá 5% tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động ở lĩnh vực liên quan trực tiếp đến chức năng quản lý nhà nước của ngành (*trừ ngành Thuế thực hiện tỷ lệ không vượt quá quy định của Tổng cục Thuế; lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng chống cháy nổ; chất lượng sản phẩm hàng hóa, vật tư, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật có thể đề xuất cao hơn tỷ lệ quy định*) và phân bổ hợp lý theo loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh luân phiên thực hiện địa bàn, lĩnh vực, không tập trung vào một số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cố định. Trường hợp có nhiều cơ quan chức năng quản lý nhà nước của nhiều ngành khác nhau cùng đề xuất thanh tra, kiểm tra đối với một doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong 01 (một) năm thì phối hợp cùng nhau triển khai.

Việc thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do các cơ quan chức năng quản lý trực tiếp chủ trì.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thanh tra đột xuất thuộc các trường hợp: (1) có dấu hiệu không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, về kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế, (2) có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong sản xuất kinh doanh, (3) theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và các trường hợp khác theo quy định.

Trước ngày 10 tháng 11 hàng năm, các cơ quan chức năng gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau của cơ quan, đơn vị đến Thanh tra tỉnh.

Căn cứ vào định hướng, chương trình, kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp yêu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng, xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau của tỉnh và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã năm sau của tỉnh để các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng phải báo cáo xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương hoạt động tại địa phương phải tham khảo kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan khác trên địa bàn trước khi ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra để tránh trùng lặp; gửi Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp sau khi được cấp trên phê duyệt.

4. Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đến các cơ quan chức năng có liên quan để phối hợp thực hiện.

### **Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp**

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các cuộc thanh tra, kiểm tra liên ngành có nhiều nội dung do nhiều ngành tham gia: thực hiện kết hợp thanh tra, kiểm tra nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh các cơ quan, đơn vị tham gia có thể thống nhất ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra chung hoặc từng cơ quan, đơn vị tham gia ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra riêng (cho phù hợp với quy định của ngành mình). Khi kết thúc thanh tra, kiểm tra phải lập biên bản làm việc, biên bản vi phạm (nếu có) để làm cơ sở ban hành kết luận thanh tra, quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định, thẩm quyền của ngành mình. Theo nội dung thanh tra và nhiệm vụ được phân công, cơ quan, đơn vị nào hoàn thành nội dung trước thời hạn thanh tra, kiểm tra thì lập biên bản làm việc và kết thúc việc thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (không chờ hết thời hạn thanh tra, kiểm tra đã thông báo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh).

Cơ quan chủ trì phải thông báo trước thời gian thanh tra, kiểm tra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai trực tiếp tại trụ sở của doanh nghiệp hoặc nơi tiến hành kiểm tra, xác minh.

Kết quả kiểm tra liên ngành phải gửi các cơ quan tham gia và Thanh tra tỉnh. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành,

Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp cần thanh tra, kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra theo quy định.

3. Trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phải kịp thời thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

4. Biên bản thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được các bên tham gia xác nhận và được bảo lưu ý kiến nếu có nội dung chưa thống nhất; cơ quan cử cán bộ tham gia trong đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận của mình.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải công bố và công khai cho các cơ quan chức năng có liên quan và gửi Thanh tra tỉnh.

**Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã trong việc lập kế hoạch và phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hợp tác xã, hộ kinh doanh**

1. Quy trình phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra hợp tác xã, hộ kinh doanh của các phòng ban chuyên môn cấp huyện được thực hiện tương ứng như quy trình phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan cấp tỉnh và phù hợp với đặc thù của cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Chủ động xử lý vi phạm đối với các hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn theo thẩm quyền và phân cấp quản lý theo quy định. Phối hợp với các cơ quan chức năng cấp tỉnh xử lý vi phạm của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phát hiện và phản ánh kịp thời những sai phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đóng trên địa bàn đến các cơ quan chức năng để kịp thời xử lý theo quy định. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định về việc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

b) Phối hợp các phòng ban chuyên môn của cấp huyện trong việc thanh tra, kiểm tra và xác minh thông tin về hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh**

1. Cơ quan cấp đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh phải được trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý;

b) Cơ quan Công an có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo hoặc nghi vấn giả mạo và cung cấp kết quả kịp thời theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh;

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ quan cấp Đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy

định; đồng thời, thông báo cho cơ quan chức năng đã có văn bản đề nghị thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nếu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận theo thẩm quyền.

**Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quyết định xử phạt hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành; đồng thời, yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp đăng ký kinh doanh trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị cơ quan cấp đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi cơ quan cấp đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện; đồng thời, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đặt trụ sở chính. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh báo cáo giải trình; trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh không báo cáo giải trình theo yêu cầu, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định.

4. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt

động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

#### **Chương IV**

### **PHỐI HỢP BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP**

#### **Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập**

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh;

d) Xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh**

1. Định kỳ vào tháng 01 hàng năm:

a) Các cơ quan chức năng báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với những ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình phối hợp thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn.

2. Định kỳ vào tháng 01 hàng năm, Cục Thuế tỉnh cung cấp thông tin theo Khoản 4 Điều 9 Quy chế này của quý, năm trước liền kề, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, Thanh tra tỉnh và các cơ quan quản

lý nhà nước có liên quan để thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các điểm a, điểm c và điểm d Khoản 2 Điều 17 Quy chế này. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Định kỳ vào tháng đầu quý và tháng 01 hàng năm, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố gửi Thanh tra tỉnh báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 17 Quy chế này. Báo cáo tổng hợp bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

## Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 19. Trách nhiệm thực hiện**

##### 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này;

b) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

##### 2. Cục Thuế:

a) Rà soát, đối chiếu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã đăng ký mã số với danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận; cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã không hoạt động tại trụ sở đăng ký quá 01 năm, hộ kinh doanh quá 06 tháng không thông báo với cơ quan thuế;

b) Cung cấp thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh, công khai danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế;

c) Tiến hành kiểm tra quyết toán thuế, thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể; chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động đúng thời gian quy định;

d) Triển khai thực hiện quy định của Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Trong đó, chú trọng đến một số đối tượng: (1) Các doanh nghiệp trong nước và nhất là các doanh nghiệp nước ngoài có chuyển nhượng vốn, mua bán cổ phần, thay đổi chủ sở hữu; (2) Các doanh nghiệp đã bỏ trốn, mất tích tồn đọng từ nhiều năm nay; (3) Các doanh nghiệp nhiều lần thay đổi trụ sở, thay đổi người đại diện theo pháp luật; (4) Các doanh nghiệp phát sinh doanh thu lớn bất thường; (5) Một người làm chủ, làm Giám đốc nhiều

công ty và có hoạt động sản xuất, kinh doanh phức tạp; (6) Các đối tượng thành lập doanh nghiệp có thể lợi dụng chính sách thông thoáng của nhà nước để mua bán hóa đơn giá trị gia tăng;

đ) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Quản lý thuế; danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đề nghị thu hồi mã số doanh nghiệp hoặc không hoạt động ở nơi đăng ký trụ sở chính để phối hợp xử lý vi phạm.

### 3. Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ động điều tra, xác minh, kịp thời phát hiện ngăn chặn và xử lý vi phạm các tổ chức, cá nhân kinh doanh có dấu hiệu lừa đảo, dấu hiệu vi phạm hình sự hoặc chuyển Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định;

c) Phối hợp, tham gia công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân kinh doanh khi có đề nghị của các cơ quan chức năng;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác minh nhân thân của: người thành lập doanh nghiệp; người góp vốn, mua cổ phần trong doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú và tham gia vào các hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### 4. Thanh tra tỉnh:

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của ngành, địa phương;

b) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

### 5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp:

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, phối hợp quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao;

b) Định kỳ hàng tháng, cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc thẩm quyền quản lý trong khu công nghiệp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng có liên quan nếu có phát sinh những trường hợp sau:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã đã thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

## 6. Liên minh Hợp tác xã tỉnh:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể; nghiên cứu kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý các hợp tác xã ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, các hợp tác xã không còn hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả theo quy định, định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm có báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Phối hợp với cơ quan chức năng tuyên truyền, vận động các cơ sở kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa phát triển kinh tế hợp tác, tổ hợp tác và hợp tác xã. Tổng kết và phổ biến kinh nghiệm các hợp tác xã điển hình tiên tiến, tổ chức các phong trào thi đua trong tổ chức Liên minh hợp tác xã tỉnh;

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, xã viên và người lao động trong các hợp tác xã và các thành viên khác;

d) Phối hợp và tham gia cùng các đoàn kiểm tra liên ngành để giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hợp tác xã và đơn vị thành viên.

## 7. Các Sở, ban, ngành:

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức đúng, đầy đủ quy định của pháp luật, từ đó thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật chuyên ngành;

c) Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy phép kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh, xử lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Tăng cường quản lý, giám sát, xử lý vi phạm đối với các đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật cao theo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành và thông tin cung cấp từ các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan, các tổ chức, cá nhân khác;

đ) Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo ngành cấp 4 của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

8. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương có liên quan đặt tại tỉnh:

a) Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động kinh doanh;

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý theo chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật chuyên ngành;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh thuộc chuyên ngành, lĩnh vực đang quản lý; đồng thời, thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh không đủ điều kiện kinh doanh hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin về các doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn;

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; xác minh nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Tuyên truyền, vận động hợp tác xã, hộ kinh doanh chấp hành quy định của pháp luật; trường hợp hộ kinh doanh có sử dụng từ 10 (mười) lao động trở lên, khuyến khích và tạo điều kiện để hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi sang các loại hình doanh nghiệp;

d) Căn cứ danh sách doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn cấp huyện do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp, thực hiện gửi danh sách doanh nghiệp trên địa bàn các xã/phường/thị trấn đến Ủy ban nhân dân cấp xã để có thông tin phối hợp theo dõi tình hình hoạt động và đôn đốc doanh nghiệp có trụ sở trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện định kỳ gửi danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh đến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời gửi danh sách đến Ủy ban nhân dân cấp xã để có thông tin phối hợp theo dõi tình hình hoạt động và đôn đốc hợp tác xã, hộ kinh doanh có trụ sở trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

## **Điều 20. Kinh phí triển khai, thực hiện quy chế phối hợp**

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau

đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

### **Điều 21. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Quy chế này được khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Tổ chức thực hiện**

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Liên minh hợp tác xã tỉnh, Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, tổ chức liên quan căn cứ các nhiệm vụ được phân công trong Quy chế này chủ động tổ chức, phối hợp và triển khai thực hiện có hiệu quả.

2. Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, các cơ quan chức năng quy định tại Điều 2 Quy chế này thực hiện lập báo cáo tình hình triển khai thực hiện của năm trước liền kề; đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này; cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt động, kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

#### **Điều 23. Bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.